TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**.

Bà **Vũ Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Th,** sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 3, thôn H, xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Người được chị Th ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Cụm II, thôn Đ, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn K**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Đội 3, thôn H, xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày: Chị và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/10/2010. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên nổi nóng, xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 2016 do tính chất công việc anh K phải vào Biên H, Đồng Nai làm ăn,

chị theo vào làm công ty, nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, anh tiếp tục chửi mắng, xúc phạm chị nên đầu năm 2017 chị đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở còn anh vẫn ở Đồng Nai. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 7/2017, chị gửi hai con cho ông bà nội chăm sóc và xuất cảnh sang Đài Loan lao động. Trong thời gian ở Đài Loan chị và anh K không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Gia L, sinh ngày 18/12/2011 và Bùi Văn Minh A, sinh ngày 01/12/2014, hiện đang ở với anh K và ông bà nội. Khi ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một con và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại các bản khai, bị đơn anh Bùi Văn K trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Th có quan hệ hôn nhân như chị Th trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã. Anh và chị Th đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, khi chị Th đi lao động tại Đài Loan không nói cho anh biết. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Gia L, sinh ngày 18/12/2011 và Bùi Văn Minh A, sinh ngày 01/12/2014, hiện các con đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu chị Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con kể từ khi chị Th gửi con cho ông bà nội cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Cụ thể từ tháng 4/2017 cho đến tháng 5/2022 là 2.000.000 đồng/1con/1 tháng, cả hai con là 4.000.000 đồng/1tháng, đồng thời yêu cầu chị Th phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.500.000 đồng/1 tháng, thời điểm kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng 1 lần.

Về tài sản, nợ chung: Anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Người được chị Th ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - bà Trần Thị C trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị Th về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho chị Th biết, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh K. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Bùi Gia L, để anh K nuôi dưỡng con Bùi Văn Minh A cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trường hợp không được nuôi con thì chị Th sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000 đồng/1tháng/1con, cả hai con là 3.000.000 đồng/1tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Đối với khoản tiền anh K yêu cầu chị Th phải thanh toán cho anh K trong thời gian anh phải nuôi con một mình kể từ tháng 4/2017

cho đến khi giải quyết xong vụ án là 2.000.000 đồng/1con/1 tháng, cả hai con là 4.000.000 đồng/1tháng, chị Th không nhất trí vì chị đã gửi 159.000.000 đồng cho anh K nuôi con, nếu số tiền này còn thừa chị cũng không yêu cầu nhận lại.

Con chung của anh K, chị Th là Bùi Gia L và Bùi Văn Minh A có nguyện vọng được ở với anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Th, xử cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh Bùi Văn K. Về con chung: Giao con chung Bùi Gia L và Bùi Văn Minh A cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1con/1 tháng (cả 2 con là 3 triệu đồng/1 tháng), thời gian kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh K về việc buộc chị Thảo phải trả tiền cấp dưỡng nuôi 2 con chung một lần trong thời gian chị Th đi lao động tại Đài Loan từ tháng 4/2017 đến tháng 5/2022 là 180.000.000 đồng. Đối trừ với số tiền 159.000.000 đồng chị Th đã gửi về cho anh K để nuôi con, chị Th còn phải cấp dưỡng tiếp số tiền là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng). Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Th có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn H, xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Anh Bùi Văn K có nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa có mặt anh K. Chị Th không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền, các tài liệu này đã được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, quan điểm ly hôn của chị Th là hoàn toàn tự nguyện. Chị Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà Trần Thị C là người được chị Th ủy quyền trong việc giao, nhân các văn bản tố tụng tại Tòa án cũng có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, bà C theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/10/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Anh, chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2017 chị Th đã cho các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2017, chị Th sang Đài Loan lao động nhưng cũng không nói cho anh K biết. Nay, chị Th có đơn xin ly hôn, anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị Th. Như vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh K đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Th được ly hôn anh K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh K có 02 con chung là Bùi Gia L sinh ngày 18/12/2011 và Bùi Văn Minh A, sinh ngày 01/12/2014, hiện các con đang ở với anh K. Ly hôn anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị Th cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Gia L. Hội đồng xét xử thấy, chị Th hiện đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Các cháu Gia L và cháu Minh A hiện đang ở với anh K, có sức khỏe tốt và đều có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy để ổn định cuộc sống cho các cháu, cần chấp nhận quan điểm của anh K, giao hai con chung cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Xem xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh K, Hội đồng xét xử thấy:

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh K yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng, thời điểm kể từ khi chị Th gửi con cho ông, bà nội (từ tháng 4/2017) cho đến tháng 5/2022, đồng thời yêu cầu chị Th tiếp tục phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.500.000 đồng/1 tháng, thời điểm kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên. Chị Th có quan điểm chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1con/1tháng. Do anh, chị không thống nhất được về mức cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh K và các con đang sinh sống, kết quả xác minh cho thấy chi phí thực tế để nuôi một cháu nhỏ tại địa phương bình quân dao động từ 2.5000.000 đồng - 3.000.000 đồng/1cháu/1tháng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần buộc chị Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh K là 1.500.000 đồng/1con/1tháng, cả 2 con là 3.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm kể từ khi tháng 4/2017 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần trong khoảng thời gian anh nuôi con từ tháng 4/2017 đến tháng 5/2022 = 61 tháng x 3.000.000 đồng = 183.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng 1 lần đối với số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh K xác định có việc chị Th gửi 59.000.000 đồng về nuôi con, đồng thời xác nhận có việc bà C là

mẹ đẻ của chị Th chuyển cho anh số tiền 100.000.000 đồng để anh mua nhà khi anh và chị Th còn chung sống. Nay bà C đồng ý chuyển số tiền này vào tiền cấp dưỡng nuôi con của chị Th anh cũng nhất trí. Như vậy tổng số tiền anh xác định chị Th đã cấp dưỡng nuôi con là 159.000.000 đồng. Đối trừ với số tiền 183.000.000 đồng chị Th phải cấp dưỡng nuôi con (từ tháng 4/2017 đến tháng 5/2022), chị Th còn phải đóng góp tiền nuôi con cho anh K số tiền là 24.000.000 đồng.

Chị Th còn phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi 2 con với anh K là 1.500.000 đồng/1con/1tháng, cả 2 con là 3.000.000 đồng1 tháng, thời điểm kể từ khi xét xử sơ thẩm (tháng 6/2022) cho đến khi các con thành niên. Do chị Th không đồng ý cấp dưỡng 1 lần nên không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc cấp dưỡng 1 lần đối với số tiền này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị Th và anh K cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh Bùi Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Bùi Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Bùi Gia L, sinh ngày 18/12/2011 và Bùi Văn Minh A, sinh ngày 01/12/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Buộc chị Phạm Thị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Bùi Văn K từ tháng 4/2017 đến tháng 5/2022 là 1.500.000 đồng /1con/1tháng, cả 2 con là 3.000.000 đồng/1tháng. Tổng số tiền là 183.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu của anh K về việc buộc chị Th phải cấp dưỡng 1 lần đối với số tiền này. Đối trừ với số tiền 159.000.000 đồng chị Th đã đóng góp cho anh K, chị Th còn phải trả cho anh K số tiền là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Buộc chị Phạm Thị Th tiếp tục phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung với số tiền là 3.000.000 đồng/02con/1tháng. Thời

gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Kể từ khi anh Bùi Văn K có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị Phạm Thị Th không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2020/0004632 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Trần Thị Chiêu nộp thay). Chị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Th còn phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã L, huyện N, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền